

CHƯƠNG VII

ĐỊNH HƯỚNG BỐ TRÍ CÁC CỤM, ĐIỂM DÂN CƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Khi hoàn thành xây dựng đường Hồ Chí Minh, một trong những vấn đề cần quan tâm đặc biệt là xem xét điều chỉnh bố trí lại dân cư. Dù muốn hay không cũng sẽ xảy ra trạng thái tự phát của dòng di dân từ các nơi khác đến đây để tìm cơ hội làm ăn. Sự tự phát hiện nay sẽ đưa đến nhiều vấn đề khó khăn cho chính quyền địa phương trong quản lý lãnh thổ và gây ra các tác hại nghiêm trọng cho môi trường.... Dòng người di cư thường là người nghèo với phương thức sản xuất lạc hậu, manh mún, không có khả năng đầu tư để tạo ra nền kinh tế hàng hoá phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường dẫn đến làm mất đi cơ hội phát triển kinh tế của địa phương, đồng thời gây ra bất ổn định cho địa phương sau này. Để tránh những khó khăn trên chúng ta cần có ngay một chiến lược phát triển kinh tế của toàn vùng, trong đó việc bố trí lại dân cư là việc cần làm ngay bởi tính bức thiết của nó.

Muốn ngăn chặn sự tự phát trên thì ngay từ đầu phải huy động tiềm năng của những người tại chỗ, biến họ thành những nhà đầu tư khởi xướng, và sau đó những ai ở nơi khác đến cũng sẽ thúc đẩy họ làm như thế. Hay nói cách khác bố trí dân cư cần ưu tiên bố trí cho người địa phương trước hết, sau đó mới mở rộng các điểm, cụm điểm sẵn có và cuối cùng là đầu tư xây dựng các điểm, cụm điểm dân cư mới.

I. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN

Đường Hồ Chí Minh chạy dọc Quảng Bình đi qua hầu hết các vùng có tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Do có mối quan hệ đa chiều như Đông - Tây, Nam - Bắc nên các khu vực kinh tế trong tỉnh cũng sẽ có các xu hướng phát triển kinh tế khác nhau. Căn cứ vào các luận cứ đã phân tích trên, đồng thời căn cứ và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, có thể nhận thấy xu thế phát triển kinh tế - xã hội như sau:

Khu vực phía Bắc sẽ phát triển nhanh, hình thành trung tâm thương mại và dịch vụ cửa khẩu, trung chuyển hàng hoá. Đây sẽ là khu vực đô thị hoá nhanh trong tương lai. Trong bối cảnh chung của nền kinh tế nước ta, kinh tế cửa khẩu có vai trò hết sức quan trọng. Có thể thấy tất cả các tỉnh có cửa khẩu nếu biết tận dụng sẽ đem lại nguồn lực khả quan trong quá trình phát triển. Cửa khẩu Cha Lo nối liền với Lào và đông - bắc Thái Lan. Phía Lào, vùng Thà Khẹt đã được quy hoạch là vùng kinh tế trọng điểm. Từ Na-Khon-Pha-Nom và Sa-Khon-Na-Khon đông bắc Thái Lan qua Thà-Khẹt đến Cha Lo ra biển Đông qua cảng Hòn La hoặc Vũng Áng là con đường ngắn nhất. Bởi vậy, khu vực đường Hồ Chí Minh với tác động của đường Hồ Chí Minh và đường 12 đã được nâng cấp sẽ có cơ hội lớn về phát triển thương mại dịch vụ và du lịch qua cửa khẩu. Tại vùng này, ngoài những cụm dân cư dọc đường 12 như Ba Đồn, Đông Lê, Quy Đạt, trên tuyến đường Hồ Chí Minh sẽ xuất hiện một số điểm dân cư quy mô thị tứ như Tân Ấp, Pheo, Hóa Tiến, Trung Hóa... trong đó Ba Đồn sẽ được đầu tư lớn để trở thành thị xã trung tâm phía Bắc Quảng Bình

Vùng trọng điểm phát triển du lịch là khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng, Di sản thiên nhiên thế giới gắn với vùng Đồng Hới. Khu vực này gắn với con đường Hồ Chí Minh huyền thoại sẽ được đầu tư lớn để trở thành khu vực du lịch lớn của Quốc gia. Do vậy, thị tứ Phong

Nhà theo dự báo của chúng tôi sẽ trở thành một thị xã dịch vụ, du lịch có hạ tầng hiện đại và tiện nghi. Từ trung tâm này sẽ tạo ra sức hút mới cho du lịch, mở rộng các tuyến du lịch đến các điểm di tích, danh thắng khác trong toàn tỉnh. Trung tâm này sẽ kết hợp với trung tâm Nhật Lệ, tạo ra sức hấp dẫn lớn đối với du khách.

Trung tâm động lực về công nghiệp, thương mại và hành chính vẫn lấy Đồng Hới làm trung tâm.

Vùng kinh tế rừng, chuyên canh cây công nghiệp, chăn nuôi và cây ăn quả tập trung vào 2 trung tâm chính là thị trấn Phú Quý và Lệ Ninh.

Do có nguồn nguyên liệu, khu vực Áng Sơn, Mỹ Đức có khả năng phát triển vật liệu xây dựng.

Vùng Bang, Thạch Bàn, An Mã có suối nước nóng, có hồ An Mã thuận lợi cho du lịch nghỉ dưỡng, phát triển kinh tế trang trại, làng thanh niên lập nghiệp...

II. ĐÁNH GIÁ TÍNH LIÊN KẾT CỦA CÁC ĐIỂM DÂN CƯ TRƯỚC KHI XÂY DỰNG ĐƯỜNG HCM

Phân bố dân cư tại tỉnh Quảng Bình trong những năm trước đây tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng và cửa sông ven biển. Tại vùng núi phía tây chỉ có các điểm rất nhỏ thường ở các thung lũng hoặc khu đồi thấp có độ dốc không lớn. Trên bản đồ 29, bằng phương pháp phân tích theo hàm chi phí - khoảng cách, cho thấy:

- Khi chưa xây dựng đường Hồ Chí Minh, dân cư tỉnh Quảng Bình tập trung chủ yếu tại các vùng đồng bằng và cửa sông ven biển. Một số không nhiều phân bố ở các vùng thung lũng hoặc vùng trũng giữa núi, hoặc vùng đồi núi thấp độ dốc địa hình không lớn.

- Các điểm dân cư dù tập trung nhưng tính liên kết không lớn,

vẫn phân chia ra các cụm điểm rõ rệt ở phía ven biển, còn về miền tây, giữa các điểm tính liên kết hết sức yếu ớt. Điều đó phản ánh một điều rất rõ ràng trong thực tế là phân bố dân cư ngoài sự phụ thuộc vào địa hình thì một nguyên nhân quan trọng khác là do điều kiện giao thông ở đây thưa.

III. ĐỊNH HƯỚNG BỐ TRÍ CÁC ĐIỂM DÂN CƯ SAU KHI XÂY DỰNG ĐƯỜNG HCM

Để có thể xác định mức độ hợp lý của các cụm điểm dân cư mở rộng hoặc bố trí mới, ngoài các dữ liệu phân tích trong các đời ảnh hưởng, cần phải tính đến khả năng tính liên kết của các điểm dân cư với hệ thống giao thông. Như vậy, các chỉ tiêu cần đưa vào mô hình là toàn bộ mạng giao thông, hai tuyến đường HCM cùng một số điểm dân cư dự kiến bố trí hoặc mở rộng.

*Bảng 105: Các điểm đô thị và dân cư dọc đường Hồ Chí Minh
(Theo Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn, 2001)*

STT	Tên đô thị và điểm dân cư	Đơn vị hành chính	Tính chất	Dự báo	
				2010	2020
A	Các điểm đô thị			115.142	145.500
1	Thị xã Đồng Hới đô thị loại 4	Tỉnh Quảng Bình	Trung tâm HC, VHXH, CN,DL	96.942	123.000
2	Thị trấn Việt Trung (loại 5)	H.Bố Trạch	T.T nông trường	10 – 12.000	13 – 15.000
3	Thị trấn Lệ Ninh	H.Bố Trạch	T.T nông trường	6.200	7.500

B	Điểm dân cư			20.150	31.300
1	Thị tứ Tân Ấp	H. Tuyên Hóa	T.T.TMDV	2.500	5.000 (TT)
2	Thị tứ Phong Nha	H. Bố Trạch	T.T DVTM	3.500	5.000 (TT)
3	Thị tứ Hoá Tiến	H. Tuyên Hóa	T.T cụm xã	2.200	3500
4	Thị tứ Trung Hóa	H. Tuyên Hóa	T.T cụm xã	1.500	2200
5	Thị tứ Tróc	H. Quảng Trạch	T.T khu vực	1.200	2500
6	Thị tứ Khương Hà	H. Quảng Ninh	T.T cụm xã	900	2000
7	Thị tứ Nam Lộng	H. Quảng Ninh	T.T cụm xã	1.000	1800
8	Thị tứ Mỹ Đức	H. Lệ Thủy	T.T cụm xã	1.800	3500
9	Thị tứ Thạch Bàn	H. Lệ Thủy	T.T DVDL	2.800	3500
10	Thị tứ Trường Sơn	H. Quảng Ninh	T.T cụm xã	650	800
11	Thị tứ Kim Thủy	H. Lệ Thủy	T.T cụm xã	500	750
12	Làng TN lập nghiệp	H. Lệ Thủy	Điểm dân cư	1500	750 - 1200

Để phù hợp với các tính toán đo vẽ về điều kiện địa hình, địa mạo thổ nhưỡng và các yếu tố khác, đề tài đề xuất thêm các điểm dân cư

- Thị tứ Pheo
- Thị tứ Khe Giữa (nhánh Tây)
- Thị tứ Làng Cát (nhánh Tây)
- Thị tứ Tăng Kí (nhánh Tây)
- Mở rộng thị tứ Phong Nha thành thị trấn trong giai đoạn 2010 và thành thị xã giai đoạn 2020.

Việc tính toán các đới liên kết của các điểm dân cư và hệ thống đường giao thông thực hiện theo phương pháp hàm chi phí khoảng cách trong Arcview 3.2. Kết quả thể hiện ở bản đồ số 30. Qua bản đồ này ta thấy:

- Vùng ven biển, các cụm điểm dân cư vẫn như cũ nhưng tính liên kết nhờ có hệ thống giao thông thuận lợi đã trở nên mạnh mẽ hơn rất nhiều. Dọc theo tuyến đường 1A cũng như tuyến phía đông, các điểm cụm điểm dân cư ảnh hưởng lẫn nhau mạnh mẽ tạo thành một dải liên kết liên tục.

- Khu vực phía bắc, các điểm dân cư từ Tân Ấp về đến Pheo cũng tạo ra những dải liên kết rõ rệt.

- Theo tuyến phía tây, với các điểm dân cư nhỏ lẻ thì cũng tạo ra các vùng ảnh hưởng nhất định, nhất là từ Khe Giữa vào Đèo Khi. Điều này cho phép mở rộng giao lưu kinh tế với vùng Tà Rụt ở Quảng Trị và liên kết với Cửa khẩu Lao Bảo.

- Như vậy với hệ thống đường HCM và các đường nhánh, việc đề xuất các vị trí mở rộng, bố trí thêm các điểm dân cư mới đã tạo ra hình ảnh liên kết tương đối chặt chẽ bức tranh phân bố dân cư tỉnh Quảng Bình trong những năm tới.

IV. MỘT VÀI KIẾN NGHỊ PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHI XÂY DỰNG XONG ĐƯỜNG HCM

1. Quan điểm chung.

Phát triển du lịch góp phần tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng dần tỷ trọng du lịch - dịch vụ trong GDP của tỉnh, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, tạo nguồn thu cho ngân sách, tạo tiền đề cho các ngành kinh tế khác phát triển. Phát triển du lịch gắn liền với bảo vệ an ninh quốc gia, kinh tế-xã hội và môi trường sinh thái bền vững. Bước đầu hình thành các khu, điểm du lịch hội đủ ý nghĩa của các sản phẩm du lịch trong đó, đa dạng hoá sản phẩm du lịch, thu hút và kéo dài thời gian lưu trú của du khách. Phát triển du lịch trên cơ sở kết hợp giữa Nhà nước và khu vực tư nhân nhằm góp phần nâng cao đời sống cho cư

dân địa phương, đặc biệt là đồng bào các dân tộc vùng sâu vùng xa. Phát triển du lịch miền tây Quảng Bình không thể tách rời với phát triển du lịch trên toàn lãnh thổ Quảng Bình.

Quảng Bình là tỉnh có nền văn hoá lâu đời và được thiên nhiên ưu đãi nhiều cảnh sắc quyến rũ nên có tiềm năng lớn để phát triển du lịch. Để tránh những tổn thất về môi trường trong quá trình phát triển du lịch, Quảng Bình không nên bán rẻ môi trường và cảnh quan tự nhiên để lấy lãi ngắn bằng cách phát triển với tốc độ quá cao để rồi phải bỏ rất nhiều tiền để sửa chữa. Nếu phá huỷ môi trường, bán rẻ thiên nhiên cho các dự án thì chắc chắn sau này sẽ phải bỏ ra gấp 10 lần để cứu vãn tự nhiên. Vì vậy quan điểm chung định hướng phát triển du lịch là cần phải đưa hình ảnh quảng bá cho du lịch Quảng Bình không những phải là điểm đến an toàn mà còn thân thiện với môi trường trong lành.

2. Tiềm năng du lịch của tỉnh.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về tiềm năng du lịch Quảng Bình. Các tài liệu đó đã chỉ ra rằng, Quảng Bình là vùng đất rất giàu tiềm năng du lịch cả về tự nhiên cả về văn hoá vật thể và phi vật thể. Nơi đây từng là "phên dậu" của nhà nước Văn Lang-Âu Lạc, là nơi diễn ra những cuộc giao tranh Trịnh - Nguyễn thế kỷ XVIII với bao dấu tích về thành lũy và truyền thuyết dân gian, là nơi diễn ra phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi kháng Pháp cuối thế kỷ XIX, là nơi tuyến đầu của hậu phương miền Bắc với cách mạng miền Nam trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, là nơi giao thoa tiếp biến văn hoá trên hai chiều Bắc-Nam, Đông-Tây; Đồng thời, lại nằm trên trục giao thông Đông-Tây đang phát triển qua hệ cảng biển, đường bộ nối liền Trung Lào, Đông Bắc Thái Lan, Myanmar qua cửa khẩu Quốc tế Cha Lo - Na Phàu và đường xuyên Á trong tương lai gần. Địa hình Quảng Bình hội tụ đủ đặc thù của ba vùng sinh thái: Biển, đồng bằng, rừng núi trong một không gian không

lớn với bãi cát, đầm phá, sông suối, rừng nguyên sinh... Đặc điểm địa lý, khí hậu, sự hình thành cộng đồng dân cư và quá trình biến động xã hội qua các thời kỳ khác nhau đã tạo cho Quảng Bình ngày nay hệ thống giá trị du lịch thiên nhiên và nhân văn quý báu. Các danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa lịch sử, di tích kiến trúc thành lũy tập trung xen kẽ vào nhau, tôn thêm vẻ đẹp thiên tạo trong từng khu du lịch có tính ước lệ: Khu du lịch Đèo Ngang - Hòn La, Khu du lịch Đồng Hới - Đá Nhảy, Khu du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng và Khu du lịch suối Bang. Bên cạnh những giá trị văn hóa vật thể, Quảng Bình còn hội tụ đủ những giá trị văn hóa phi vật thể của khu vực Bắc Trung Bộ. Tuy nhiên, mảnh đất này có những nét văn hóa truyền thống đặc trưng riêng, thể hiện qua các lễ hội truyền thống như cầu mùa, cầu ngư; qua truyền thuyết và truyện cổ dân gian... Nơi đây còn lưu giữ những làn điệu dân ca như hò khoan Lệ Thủy, hát "sim" đối đáp nam nữ của người Bru - Vân Kiều, "Kà tom - Tà lênh"... Quảng Bình được thiên nhiên ban tặng vùng karst Phong Nha - Kẻ Bàng đã được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới...

Đến năm 1998, tại Quảng Bình đã có 32 di tích đã được công nhận là di tích cấp quốc gia, trong đó có 25 di tích lịch sử, 4 di tích lịch sử, 1 di tích khảo cổ, 2 di tích thắng cảnh.

Các di tích thắng cảnh trên ngày càng được bổ sung khi con đường Hồ Chí Minh đang được xây dựng đi qua hàng loạt các điểm di tích của thời kháng chiến chống Mỹ hào hùng như Sở chỉ huy Bộ đội Trường Sơn ở Hóa Tiến cách Khe Ve 3 km về phía nam, điểm đầu của hệ thống đường ống dẫn xăng dầu cung cấp cho chiến trường miền Nam, khu vực Bồng Lai, sân bay dã chiến Khe Gát, ...

Các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử phân bố khá đều dọc theo đường Hồ chí Minh và các vùng lân cận tạo nhiều thuận lợi để quy hoạch các tuyến du lịch hấp dẫn với thời gian tham quan ngày càng kéo dài hơn.

3. Hiện trạng và đề xuất phát triển du lịch.

Mặc dù có tiềm năng du lịch lớn và quyến rũ như vậy nhưng việc khai thác tiềm năng ấy trong thời gian qua còn nhiều bất cập. Hầu hết các di tích đều dừng lại ở mức khai thác thô, chưa có sự phục hồi, tôn tạo xứng đáng, việc tu bổ di tích chủ yếu làm riêng lẻ để kéo dài tuổi thọ theo nguyên tắc, phương pháp bảo tồn bảo tàng học chứ chưa hướng tới sự quy hoạch trong tổng thể chung thống nhất phục vụ phát triển của toàn ngành du lịch. Công tác triển khai thực hiện quản lý quy hoạch du lịch còn yếu. Công tác quảng bá tiếp thị còn hạn chế, chưa có nhiều các chi nhánh tiếp thị ở các thành phố lớn, nơi có lượng du khách nhiều cũng như trên các thị trường du lịch quốc tế. Đội ngũ cán bộ nhân viên còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng. Một điều đặc biệt quan trọng là du lịch Quảng Bình chưa tạo ra được những sản phẩm du lịch mang dấu ấn riêng đặc sắc cho miền đất tỉnh nhà.

Để đạt được mục tiêu phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP ngành dịch vụ Quảng Bình đến năm 2010 từ 9,5% đến 12,5% /năm, cơ cấu GDP du lịch dịch vụ trong khối ngành dịch vụ tăng từ 5,4% hiện nay lên 8-12% năm 2005, năm 2005 đón 500.000 lượt khách trong đó có 25.000 lượt khách quốc tế, tăng 20% /năm, năm 2010 đón 1 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế là 60.000 lượt (Nguồn Tổng cục Du lịch), Du lịch Quảng Bình cần làm tốt các điểm sau đây:

- Quan tâm đào tạo lại và đào tạo mới đội ngũ cán bộ nhân viên du lịch.
- Khuyến khích đầu tư cả trong, ngoài nước, cả khu vực nhà nước và tư nhân.
- Đặc biệt cần tập trung nghiên cứu hình thành các sản phẩm du lịch độc đáo, đặc trưng, mang bản sắc riêng của miền đất Quảng Bình.

-Tổ chức tiếp thị mở rộng thị trường du lịch cho các sản phẩm du lịch của Quảng Bình.

- Tổ chức hình thành, mở rộng các tuyến du lịch nhằm đồng thời vừa thu hút du khách vừa kéo dài thời gian của tour du lịch nhằm nâng cao thu nhập.

Một số cụm, tuyến tour du lịch có thể thực hiện ngay:

- Đồng Hới - Phong Nha - Đá Nhảy - Đồng Hới

- Đồng Hới - Hòn La - Cha Lo - Đồng Hới

- Đồng Hới - Hòn La- Cha Lo - Phong Nha - Đồng Hới

- Đồng Hới - Bang - Đồng Hới

- Đồng Hới - Bang - Phong Nha - Đồng Hới

- Tuyến Tây đường HCM: Đồng Hới - Khe Gát - Làng Cát - Đồng Hới.

- Tuyến đi du lịch các di sản thế giới nối liền Phong Nha - Kẻ Bàng với Cố đô Huế - Phố cổ Hội An - Thánh địa Mỹ Sơn.

KẾT LUẬN

1. Khi xây dựng xong, với chiều dài 402 km đi qua tỉnh Quảng Bình, đường Hồ Chí Minh sẽ thực sự là một trong những nguồn lực chủ yếu thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói chung và của miền tây Quảng Bình nói riêng. Kết quả sử dụng thuật toán phân tích hàm chi phí - khoảng cách trong môi trường GIS xây dựng bản đồ phân cấp các đới ảnh hưởng của đường HCM và hệ thống đường nhánh đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội cho thấy, trong tổng số tổng diện tích của tỉnh là 8.051,85 km² thì có đến 5.534,63 km² thuộc các đới ảnh hưởng theo các cấp khác nhau. Cụ thể, đới rất ảnh hưởng: 1.245,54 km²; đới ảnh hưởng mạnh: 1.303,32 km²; đới ảnh hưởng trung bình: 1.652,89 km², đới ảnh hưởng yếu: 1.332,87 km². Còn lại là vùng không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng rất yếu. Đới có ảnh hưởng lớn nhất, trực tiếp có diện tích nhỏ nhất, nằm dọc hai bên đường, trong đó ở tuyến phía đông, đới này có chiều rộng lớn hơn, còn ở tuyến phía tây, đới này chỉ là một dải hẹp, chiều rộng dưới 1km ở phía hai bên đường. Đới ảnh hưởng mạnh có diện tích lớn thứ ba, phân bố chủ yếu ở vùng phía bắc (huyện Minh Hóa) và hai bên nhánh đông. Đới ảnh hưởng có diện tích cao nhất là đới ảnh hưởng trung bình, phân bố chủ yếu hai bên nhánh tây, ở huyện Tuyên Hóa. Đới ảnh hưởng yếu tạo thành hai dải hẹp hai bên đường và mở rộng đáng kể tại khu trung tâm huyện Quảng Trạch. Đới ảnh hưởng không đáng kể (hay không ảnh hưởng) gồm vùng núi đá vôi phía tây tỉnh, vùng đèo Ngang (thuộc huyện Quảng Trạch) và một số diện tích núi cao ở rải rác trong tỉnh

là phần diện tích còn lại không thống kê.

2. Trong các đới ảnh hưởng trên đã phân chia được 38 đơn vị địa mạo, 3 kiểu và 10 phụ kiểu cảnh quan đất, với 5 nhóm đất chính và hàng chục kiểu đơn vị sinh khí hậu. Các điều kiện trên đã góp phần hình thành hệ thực vật rất phong phú (thống kê sơ bộ) có 2.455 loài thực vật tự nhiên bậc cao có mạch và có 159 loài cây trồng. Tài nguyên thực vật gồm: 352 loài cho gỗ; 247 loài cho lương thực, thực phẩm; hơn 100 loài thức ăn gia súc; 741 loài cho thuốc; 25 loài cho nguyên liệu giấy sợi; 43 loài cho dầu nhựa; 30 loài cho tanin và chất nhuộm; 20 loài cho tinh dầu thơm và vài trăm loài có công dụng khác. Các loài cây gỗ tốt, quý như Gụ, Huê mộc, Trắc, Lim, Giáng hương... và nguồn tài nguyên gỗ; các loài cho tinh dầu thơm như Dó bầu, Vù hương, Tràm... Có 20 loài thực vật quý hiếm thuộc sách đỏ trong số 337 loài của toàn quốc. Kinh tế - xã hội phát triển không đều và chưa vững chắc, tập trung ở phần phía đông tỉnh tại các đồng bằng và cửa sông ven biển. Phần phía tây hầu như chưa có cơ sở kinh tế đáng kể nào.

3. Khi xây dựng tuyến đường Hồ Chí Minh, ngoài những tác động tích cực còn tạo ra hàng loạt các tác động tiêu cực tiềm tàng đối với môi trường tự nhiên, kinh tế và xã hội. Bảng đánh giá tác động môi trường chung và bảng liệt kê các tác động tiềm tàng có thể xem như những kiến nghị nhằm chủ động đối phó với các tác động tiêu cực sau này. Trên tuyến đường Hồ Chí Minh có đến 30 km nằm trong khu vực sườn bất ổn định, nghĩa là khả năng trượt lở taluy đường thuộc cấp rất lớn, vì thế cần có những biện pháp chống sạt lở ngay từ ban đầu nhằm giảm bớt chi phí cho công tác duy tu đường sau này. Trong khu vực ảnh hưởng của đường Hồ Chí Minh có đến hơn 20% tổng diện tích thuộc vào cấp sườn bất ổn định. Khi tiến hành quy hoạch bố trí các khu dân cư mới hay các công trình xây dựng, các cơ sở sản xuất... cần chú ý những nơi này nhằm tránh các rủi ro do tai biến trượt đất.

4. Trên cơ sở xem xét các nguồn lực tự nhiên, ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế xã hội và kết quả đánh giá thích nghi đất của các đối ảnh hưởng cho 11 đối tượng sử dụng khác nhau đã tạo ra những luận cứ có tính khoa học cao phục vụ cho các nhà quản lý, quy hoạch lãnh thổ bố trí sử dụng đất hợp lý, có hiệu quả. Việc phân tích tính liên kết và sức hút của các điểm, cụm dân cư với đường Hồ Chí Minh cho thấy bức tranh toàn cảnh phân bố dân cư dọc theo tuyến đường làm cơ sở tốt để bố trí mở rộng các cụm điểm dân cư đã có cũng như các điểm dự kiến bố trí mới.

5. Khi con đường Hồ Chí Minh hoàn thành, nó sẽ kết nối các điểm khác nhau trong khu vực và dù không ai làm gì cũng có những tác động xảy ra, chúng làm kinh tế phát triển và đi kèm theo nó là các vấn đề xã hội. Để đón trước được những cơ hội do đường Hồ Chí Minh tạo ra sau khi hoàn thành, việc xây dựng các luận cứ khoa học trên đây nhằm đánh giá đúng các nguồn lực hiện có, dự báo những tác động có thể xảy ra trong tương lai, đề xuất các định hướng phát triển nhằm ngày một nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên phục vụ cuộc sống con người là việc làm cần thiết và đáp ứng được các đòi hỏi của thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo đề mục “Đặc điểm khí hậu, bản đồ sinh khí hậu tỉnh Quảng Bình và đánh giá mức độ thích hợp của điều kiện khí hậu 3 vùng dự án cho một số cây trồng và đời sống con người” - Viện Địa lý năm 1992.
2. Báo cáo đề mục “Tài nguyên khí hậu vùng Bắc Trung Bộ” - Viện Địa lý - Năm 1995.
3. Báo cáo điều chỉnh định hướng quy hoạch phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quảng Bình đến năm 2010 - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Bình.
4. Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XIII - Tỉnh ủy Quảng Bình - tháng 7/2003.
5. Báo cáo "Hiện trạng môi trường Quảng Bình năm 1998" - tháng 4/1998.
6. Báo cáo tài nguyên rừng tỉnh Bình Trị Thiên. (Bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/500.000) - Viện điều tra quy hoạch rừng Bộ Lâm nghiệp - năm 1983.
7. Báo cáo tình hình thực hiện công tác địa chính năm 2002 phương hướng nhiệm vụ năm 2003 - Sở Địa chính tỉnh Quảng Bình - tháng 12/2002.
8. Báo cáo tình hình thực hiện chính sách dân tộc - Ban dân tộc và tôn giáo tỉnh Quảng Bình - ngày 15/5/2003.
9. Báo cáo tóm tắt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2001-2010 - UBND tỉnh Quảng Bình - tháng 12/2002.
10. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2003 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2004 tỉnh Quảng Bình - UBND tỉnh Quảng Bình - tháng 7/2003.

11. Báo cáo tổng kết công tác năm 2002, phương hướng nhiệm vụ và biện pháp thực hiện kế hoạch 2003 - UBND tỉnh Quảng Bình - tháng 12/2003.

12. Báo cáo tổng hợp "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình thời kỳ 1996 - 2010" - UBND tỉnh Quảng Bình - tháng 2/1996.

13. Báo cáo tổng kết "Quy hoạch và xây dựng mô hình kinh tế - xã hội khu kinh tế mới Sáu Lán huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình". Viện Địa lý - TT KHTN & CN QG - năm 1994.

14. Báo cáo tổng hợp đề tài "Nghiên cứu chiến lược sản phẩm tỉnh Quảng Bình đến năm 2010" - Sở KH-CN & MT tỉnh Quảng Bình - tháng 8/2001.

15. Báo cáo tổng hợp đề án "Xây dựng luận cứ khoa học cho việc lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình thời kỳ 1990 - 2010" - Viện Chiến lược phát triển, Sở KH-CN tỉnh Quảng Bình - tháng 12/1995.

16. Chỉ thị môi trường kèm theo báo cáo hiện trạng môi trường Quảng Bình năm 2003 - Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Bình.

17. Đặc trưng hình thái lưu vực sông Việt Nam - Viện Khí tượng Thủy văn, Tổng cục Khí tượng Thủy văn - Hà Nội năm 1985.

18. Đề án "Tổng quan lâm nghiệp theo chương trình 327 tỉnh Quảng Bình" - Sở Lâm nghiệp tỉnh Quảng Bình - tháng 12/1993.

19. Phụ lục "Hệ thống các chỉ tiêu về tự nhiên kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình" - tháng 3/1995.

20. Sổ tay kỹ thuật trồng cây công nghiệp. Tổng cục cây trồng Bộ Nông nghiệp - Nxb NN.

21. Tóm tắt "Dự án tổng quan khai thác, sử dụng đất bằng hoang hóa, bãi bồi ven sông, ven biển, mặt nước chưa sử dụng tỉnh Quảng Bình" (theo chương trình 773/TTg) - UBND tỉnh Quảng Bình - 1996.

22. Cao Xuân Chính. Phong Nha - Kẻ Bàng - Khu bảo tồn thiên nhiên có giá trị đa dạng sinh học cao trên vùng núi đá vôi của

tỉnh Quảng Bình Tr.98-102, Bảo vệ và phát triển bền vững rừng và đa dạng sinh học trên vùng núi đá vôi của Việt Nam - Hà Nội - năm 1999.

23. Hồ Vương Bình và nnk - Báo cáo điều tra địa chất đô thị vùng đô thị Đồng Hới. Báo cáo lưu trữ Cục Địa chất và Khoáng sản - Hà Nội - năm 1997.

24. Lê Thông và nnk - Địa lý Thừa Thiên - Huế, trong quyển Địa lý các tỉnh và thành phố Việt Nam, Tập 3 - Các tỉnh vùng Tây Bắc và vùng Bắc Trung Bộ, trang 397 - Hà Nội - 2002.

25. Mai Trọng Thông và nnk - Điều kiện sinh khí hậu dải ven biển Việt Nam, Tuyển tập các công trình nghiên cứu địa lý (TTCCTNCĐL), Tr. 109-123. Nxb KHKT - Hà Nội - năm 1994.

26. Nguyễn Kế Thân - Tình hình kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số Quảng Bình - tháng 10/1995.

27. Nguyễn Tri Thức - Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học "Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Bình nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng, ổn định và đầu tư có hiệu quả trong thời kỳ 2000 - 2005 và 2010 - 6/2000.

28. Nguyễn Duy Trang - Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phát triển kinh tế vùng gò đồi tây Đồng Hới, Quảng Bình.Tc. NN và PTNT, số 4/2001, tr. 267-268 - Hà Nội - năm 2001.

29. Nguyễn Xuân Bao và nnk - Công trình hiệu đính và xuất bản bản đồ địa chất và khoáng sản Việt Nam, tỷ lệ 1/200.000, các tờ địa chất Malaxay - Đồng Hới, Lệ Thủy - Quảng Trị và báo cáo thuyết minh kèm theo - Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam - Hà Nội - năm 1998.

30. Nguyễn Quang Mỹ, Vũ Văn Phái - Khái quát về karst Việt Nam - Giáo trình giảng dạy của Khoa Địa Lý - Đại học Khoa học Tự nhiên - 1997.

31. Trần Ngũ Phương - Bước đầu nghiên cứu rừng miền Bắc Việt Nam - Nxb KHKT - Hà Nội - năm 1978.

32. FAO - A framework for land evaluation -Rome - 1976.

33. Spatial modeling - Arcinfo 7.2, Vol 1,2.

Luận cứ phục vụ định hướng
PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI
KHU VỰC MIỀN TÂY
TỈNH QUẢNG BÌNH

